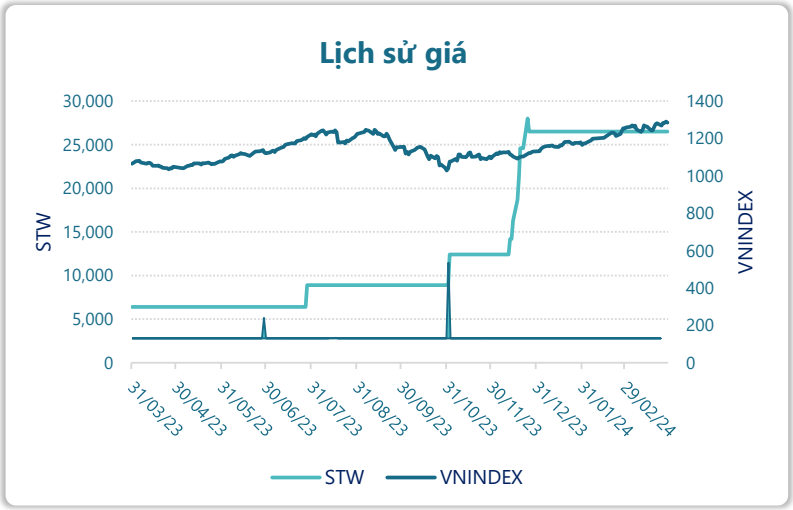
FireAnt

CTCP Cấp nước Sóc Trăng (UPCOM: STW)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
SL cổ phiếu LH	15,863,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	420
P/E	8.0
EPS	3,300

DT thuần

Q1/24

55.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.10| 5.9%

YoY: ▲ 4.10| 8.0%

LN sau thuế

Q1/24

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.66| 96.3%

YoY: ▲ 0.40| 3.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

27.0%

+/- YoY: ▲ 5.0%

DT thuần

2023

211

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00| 3.7%

LN sau thuế

2023

50.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.8| 41.4%

ROE

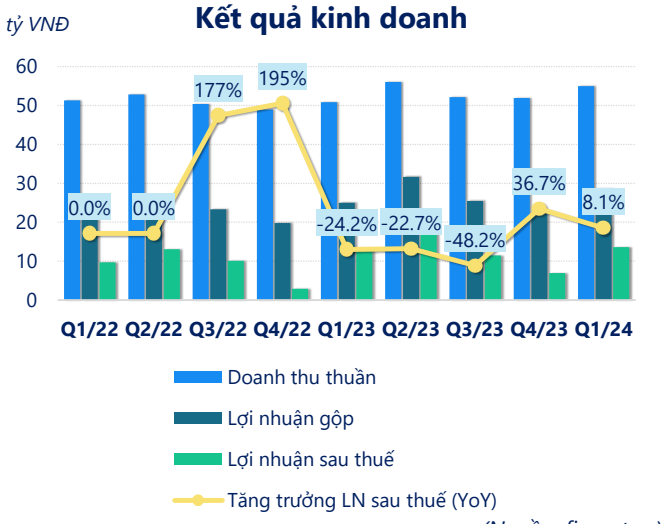
2023

23.6%

+/- YoY: ▲ 2.7%

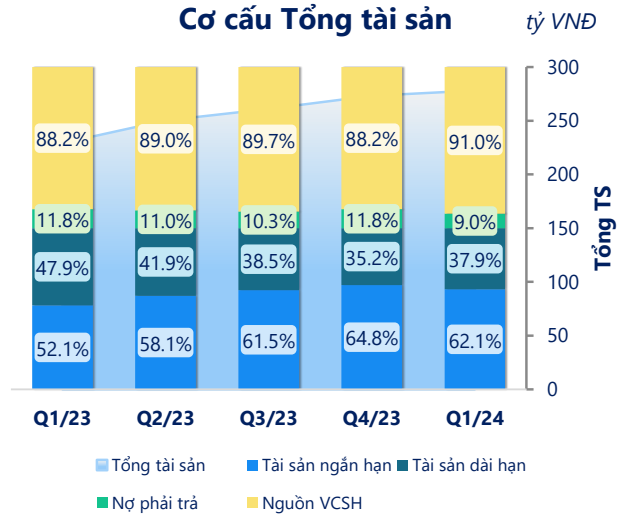
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



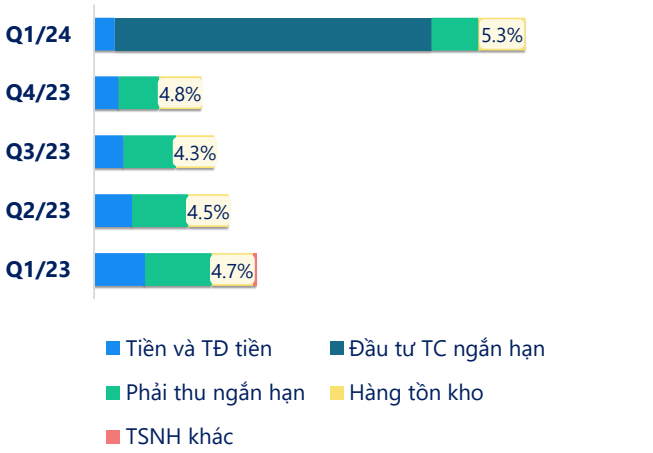
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



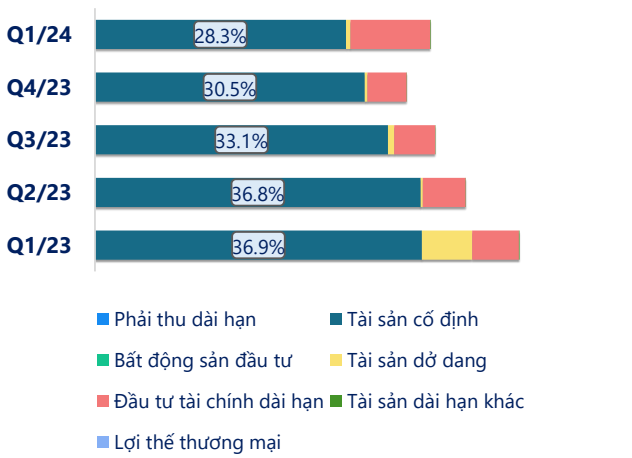
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



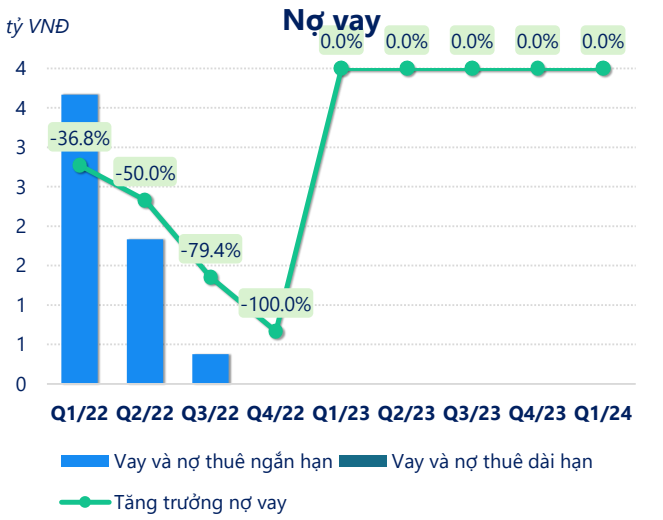
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



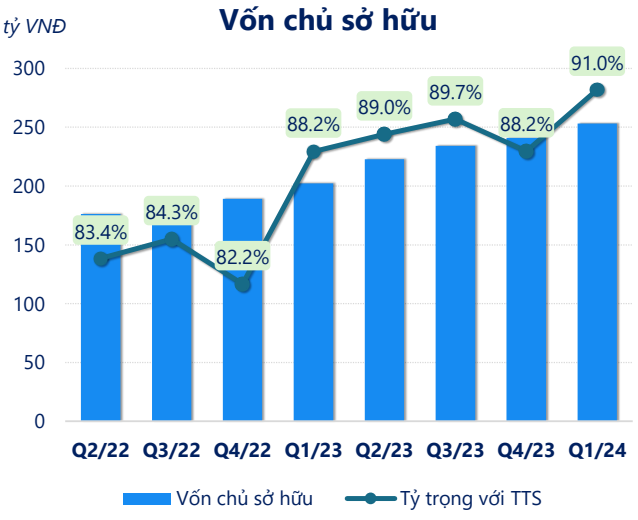
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



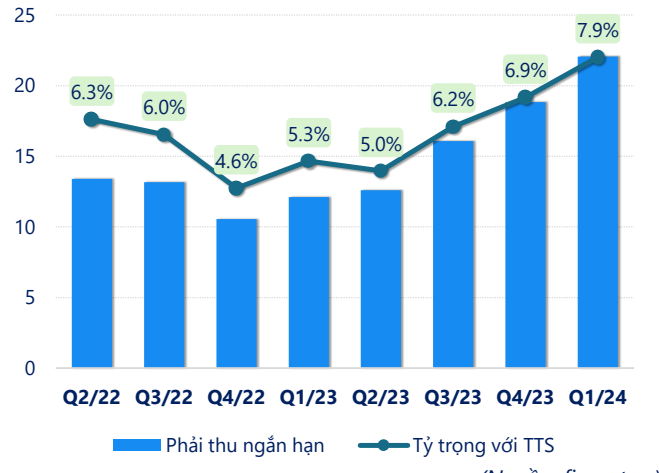
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



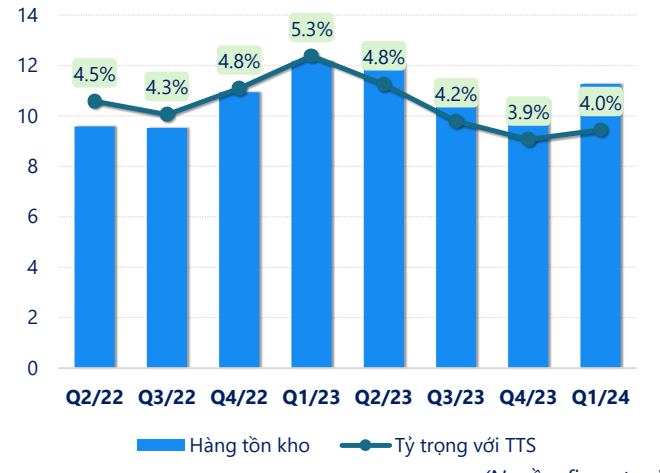
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



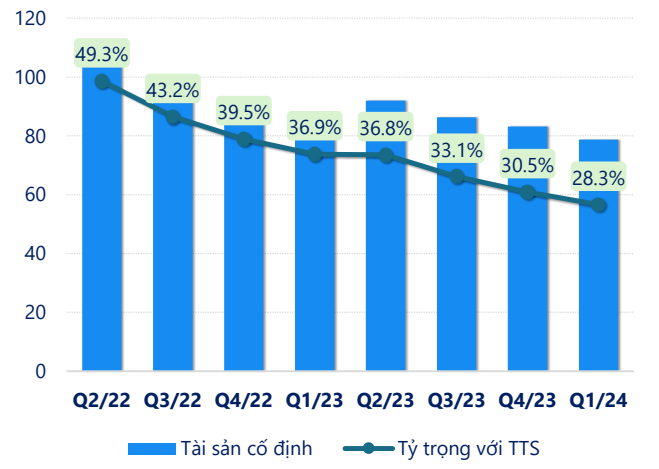
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



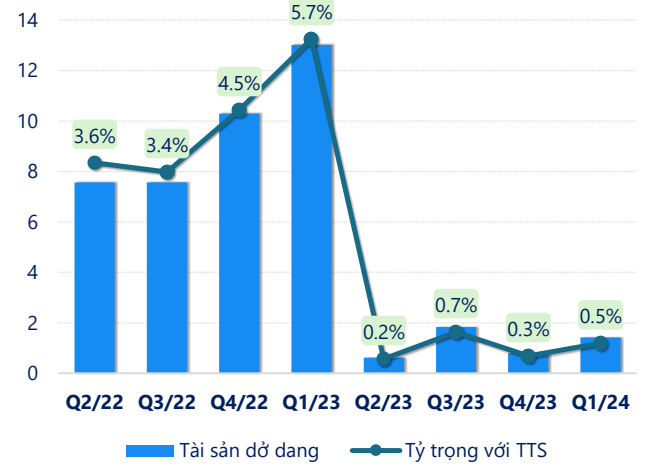
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



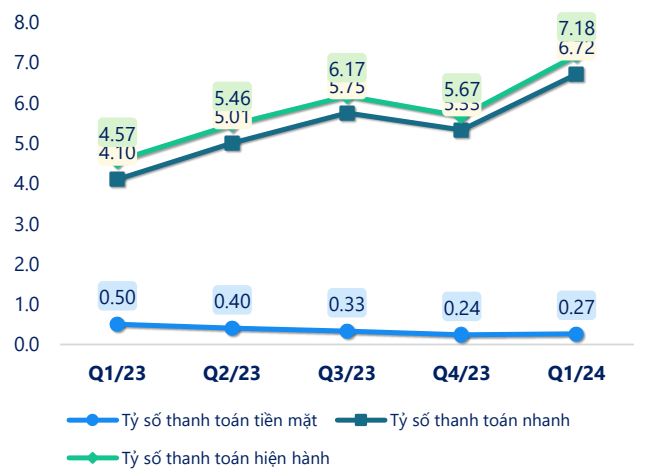
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



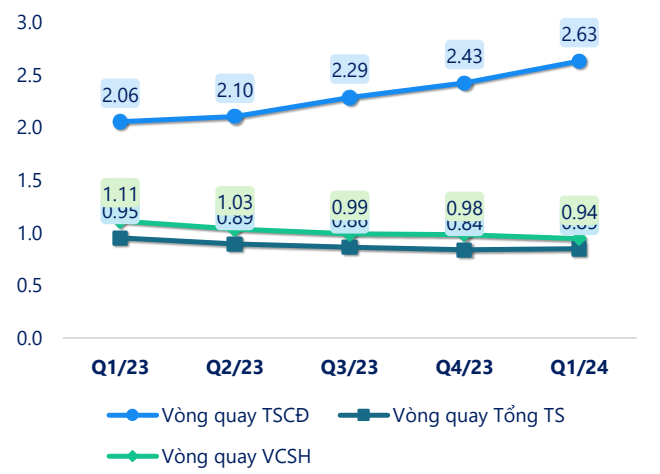
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**229**	**250**	**261**	**273**	**278**
Tài sản ngắn hạn	**119**	**145**	**161**	**177**	**173**
Tiền và tương đương tiền	13.2	10.7	8.62	7.53	6.46
Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.0	110	125	140	133
Phải thu ngắn hạn	12.1	12.6	16.1	18.8	22.1
Hàng tồn kho	12.2	12.1	11.0	10.6	11.3
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0.00	0.01
Tài sản dài hạn	**110**	**105**	**100**	**96.2**	**105**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	84.6	91.9	86.3	83.2	78.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.0	0.61	1.83	0.80	1.42
Đầu tư tài chính dài hạn	12.1	12.1	12.1	12.1	25.1
Tài sản dài hạn khác	0.16	0.13	0.13	0.11	0.13
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**27.0**	**27.5**	**26.9**	**32.1**	**24.9**
Nợ ngắn hạn	**26.2**	**26.6**	**26.0**	**31.2**	**24.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	8.75	9.93	9.15	9.76	5.95
Nợ dài hạn	0.82	0.85	0.87	0.87	0.87
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**202**	**223**	**234**	**241**	**253**
Vốn chủ sở hữu	**202**	**223**	**234**	**241**	**253**
Vốn điều lệ	159	159	159	159	159
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)